

Phụ lục số 01

PHÂN CẤP NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TR
(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 12 n

STT	NGUỒN THU	Tổng cộng
1	2	3
I	THU TỪ THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ	
1	Thu từ doanh nghiệp trung ương	100
	- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thu khác	
	- Thuế tài nguyên	
2	Thu từ doanh nghiệp địa phương	100
	- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thu khác	
	- Thuế tài nguyên	
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100
	- Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thu khác	
	- Thuế tài nguyên	
4	Thu xổ số kiến thiết	100
5	Thu ngoài quốc doanh	
a	Do Thuế tỉnh quản lý và tổ chức thu	100
b	Do Thuế cơ sở , trong đó:	
	- Thu từ thủy điện	100
	- Thu từ các khoản khác	
	+ Trên địa bàn phường Lào Cai, phường Cam Đường, phường Sa Pa, phường Yên Bái	100
	+ Trên địa bàn các xã trung tâm của cấp huyện (cũ) và trên địa bàn các phường khác	100
	+ Trên địa bàn các xã khác	100
6	Lệ phí trước bạ	
	- Trên địa bàn phường Lào Cai, phường Cam Đường, phường Sa Pa, phường Yên Bái	100

STT	NGUỒN THU	Tổng cộng
1	2	3
	- Trên địa bàn các xã trung tâm của cấp huyện (cũ) và trên địa bàn các phường khác	100
	- Trên địa bàn các xã khác	100
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100
9	Thuế thu nhập cá nhân	
a	Do Thuế tỉnh quản lý	100
b	Do Thuế cor sở quản lý, trong đó:	100
	- Trên địa bàn phường Lào Cai, phường Cam Đường, phường Sa Pa, phường Yên Bái	100
	- Trên địa bàn các xã trung tâm của cấp huyện (cũ) và trên địa bàn các phường khác	100
	- Trên địa bàn các xã khác	100
10	Thuế bảo vệ môi trường	
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu	100
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	100
11	Thu phí, lệ phí	
	- Do cơ quan trung ương thực hiện thu	100
	- Do cơ quan tỉnh thực hiện thu	100
	- Do xã, phường thực hiện thu	100
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	100
12	Thu tiền thuê đất	
	- Trả tiền một lần cho cả thời gian thuê	100
	- Trả tiền hàng năm	100
13	Thu tiền cho thuê mặt nước	
	- Trả tiền một lần cho cả thời gian thuê	100
	- Trả tiền hàng năm	100
14	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	
	- Do cấp tỉnh thực hiện	100
	- Do cấp xã thực hiện	100

STT	NGUỒN THU	Tổng cộng
1	2	3
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
	- Giấy phép do trung ương cấp	100
	- Giấy phép do địa phương cấp	100
16	Thu khác ngân sách (Thu tiền phạt, tịch thu; thu từ bán, thanh lý tài sản nhà nước; thu hồi các khoản chi năm trước; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước; tiền đền bù thiệt hại đất và môi trường...)	
	- Thu do cơ quan trung ương thực hiện	100
	- Thu do cơ quan cấp tỉnh thực hiện	100
	- Thu do cơ quan cấp xã thực hiện	100
17	Thu cổ tức lợi nhuận	100
18	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã	100
II	THU HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP TỪ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỂ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ KHẮC PHỤC MÔI TRƯỜNG	100
III	GHI THU GHI CHI (Kinh phí viện trợ không hoàn lại; tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư tự nguyện ứng trước; kinh phí tài trợ đầu tư các công trình phúc lợi xã hội; tiền công đức tài trợ đầu tư phát triển di tích...)	-
1	Do cấp tỉnh quản lý	100
2	Do cấp xã quản lý	100
IV	THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	
1	Thu từ đấu thầu, đấu giá dự án	
a	Xã được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	100
b	Xã không được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	100
2	Thu từ đấu giá đất riêng lẻ cho cá nhân	
a	Do đơn vị cấp tỉnh thực hiện	
	- Xã được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	100
	- Xã không được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	100
b	Do cấp xã thực hiện	100

STT	NGUỒN THU	Tổng cộng
1	2	3
3	Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất	
a	Do đơn vị cấp tỉnh thực hiện	-
	- Xã được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	100
	- Xã không được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	100
b	Do cấp xã thực hiện	100
4	Thu từ đất tái định cư	
a	Do đơn vị cấp tỉnh thực hiện	
	- Xã được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	100
	- Xã không được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng	100
b	Do cấp xã thực hiện	100
V	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	100
VI	CÁC KHOẢN THU KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	
1	Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh	100
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	
	- Bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	100
	- Bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	100
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	
	- Chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh	100
	- Chuyển nguồn của ngân sách cấp xã	100
4	Thu kết dư ngân sách	
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh	100
	- Kết dư ngân sách cấp xã	100
5	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật	
	- Cấp tỉnh thực hiện	100
	- Cấp xã thực hiện	100

KẾ HOẠCH PHÂN CHIA NGUỒN THU
(Dự kiến năm 2025 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: %

Tỷ lệ phân chia nguồn thu			Ghi chú
Trung ương	Tỉnh	Xã	
4	5	6	7
	100		
	100		
	100		
	100		
	95	5	
	90	10	
	80	20	
	50	50	
		100	
	80	20	

Tỷ lệ phân chia nguồn thu			Ghi chú
Trung ương	Tỉnh	Xã	
4	5	6	7
	50	50	
		100	
		100	
		100	
	100		
		100	
	80	20	
	50	50	
		100	
100			
	100		
100			
	100		
		100	
	95	5	
15	75	10	
15	35	50	
	90	10	
	30	70	
	100		
		100	

Tỷ lệ phân chia nguồn thu			Ghi chú
Trung ương	Tỉnh	Xã	
4	5	6	7
70	30		
	90	10	
100			
	100		
		100	
	100		
		100	
	80	20	
	100		
		100	
15	75	10	
15	85		
15	75	10	
15	85		
15		85	

Tỷ lệ phân chia nguồn thu			Ghi chú
Trung ương	Tỉnh	Xã	
4	5	6	7
15	75	10	
15	85		
15		85	
15	75	10	
15	85		
15		85	
100			
	100		
	100		
		100	
	100		
		100	
	100		
		100	
	100		
		100	

Phụ lục số 02
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025

STT	Nguồn thu	Phân cấp nl
		Cấp tỉnh
1	2	3
I	Chi đầu tư phát triển	
1	Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp	X
2	Hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình	X
3	Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;	X
4	Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;	X
5	Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật	X
II	Chi thường xuyên	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	X
a	Sự nghiệp giáo dục	
	- Trường trung học phổ thông (bao gồm cả trường nội trú, trường chuyên, trường chuyên biệt khác); trường phổ thông có nhiều cấp học mà cấp cao nhất là trung học phổ thông	X

	- Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở	X
	- Các hoạt động giáo dục khác	X
b	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	
	- Cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, dạy nghề	X
	- Trung tâm giáo dục thường xuyên	X
	- Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và dạy nghề khác	X
2	Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	X
3	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	X
	- Bệnh viện, Trung tâm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực	X
	- Trạm y tế xã, phường	X
	- Kinh phí đóng hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng	X
	- Các hoạt động y tế, dân số và gia đình khác	X
4	Sự nghiệp văn hóa, thông tin	X
5	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	X
6	Sự nghiệp thể dục, thể thao	X
7	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	
	- Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	
	- Sự nghiệp bảo vệ môi trường khác	X
8	Các hoạt động sự nghiệp kinh tế	X
a	Sự nghiệp giao thông	
	- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý	X
	- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý	
b	Sự nghiệp nông nghiệp	X
c	Sự nghiệp địa chính	X
d	Sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác	
	- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống vỉa hè, cấp nước, thoát nước, công viên, cây xanh, hoa cảnh...	
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác	X
9	Chi bảo đảm xã hội	X
10	Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao địa phương quản lý	X

11	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật	X
12	Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp trên theo quy định	X
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	X
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	X
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	X
V	Chi viện trợ	X
VI	Chi cho vay	X
VII	Chi chuyển nguồn sang năm sau	X
VIII	Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã	X
IX	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ	
1	Hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương	X
2	Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới	X
3	Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác	X

Ghi chú: (X) là nhiệm vụ chi được phân cấp của từng cấp theo chức năng, nhiệm vụ

ĐỀ THI KIỂM TRA CUỐI NĂM 2026
(Dành cho HS của HĐND tỉnh Lào Cai)

hiện vụ chi	Ghi chú
Cấp xã	
4	5
X	
X	
X	
X	
X	

X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	

X	
X	
X	
X	
X	
X	
X	

m vụ quy định của pháp luật

Phụ lục số 03							
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN (NGOÀI TIỀN LƯƠNG) NĂM 2026							
(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Lào Cai)							
STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ			Ghi chú	
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới		Xã khác
1	2	3	4	5	6	7	8
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC						
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị						
	- Các trường chuyên biệt (Trường trung học phổ thông chuyên; Trường phổ thông dân tộc nội trú; Trường phổ thông dân tộc bán trú; trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật và các trường chuyên biệt khác)	Triệu đồng/biên chế/năm	16.8				
	- Trường trung học phổ thông	Triệu đồng/biên chế/năm	15.8				
	- Trường tiểu học	Triệu đồng/biên chế/năm		11.5	12.5	11.5	
	- Trường mầm non, trường trung học cơ sở và cơ sở giáo dục khác	Triệu đồng/biên chế/năm		11.5	12.5	11.5	

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Triệu đồng/biên chế/năm	13.3				
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						
	- Tiền điện, nước phòng ở học sinh bán trú	Triệu đồng/phòng ở/năm		1	1	1	
	- Tiền điện, nước các phòng học	Triệu đồng/phòng học/năm	0.6	0.6	0.6	0.6	
	- Kinh phí mua bổ sung vật tư thực hành, sách thư viện và các hoạt động ngoại khóa theo chương trình giáo dục cho các trường trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học cơ sở và trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp tỉnh	Triệu đồng/lớp/năm	1				
	- Kinh phí sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất trường học cho các trường trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, trung học cơ sở và trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp tỉnh	Triệu đồng/phòng học/năm	1				

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Chi chung sự nghiệp giáo dục (chi khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; tổ chức, tham dự các kỳ thi; công nhận trường chuẩn; mua bổ sung vật tư thực hành, thiết bị dạy học; các nhiệm vụ chi khác của ngành giáo dục theo chế độ quy định)	Triệu đồng/biên chế/năm		1	1	1	
II	SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị						
	- Trường Chính trị tỉnh	Triệu đồng/biên chế/năm	20				
	- Trường cao đẳng	Triệu đồng/biên chế/năm	18.5				
	- Trung tâm chính trị cấp xã	Triệu đồng/biên chế/năm		16.5	16.5	16.5	
	- Trường Trung cấp và các cơ sở đào tạo dạy nghề khác	Triệu đồng/biên chế/năm	15				
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Chi đào tạo lý luận chính trị	Triệu đồng/học viên/năm	4				Chỉ cho các nội dung phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, văn phòng phẩm, vệ sinh và các khoản chi trực tiếp khác)
III	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị						
a	Chữa bệnh						
	- Bệnh viện đa khoa số 1; Bệnh viện đa khoa số 2; Bệnh viện đa khoa số 3; Bệnh viện đa khoa số 4	Triệu đồng/biên chế/năm	21.4				
	- Bệnh viên chuyên khoa: Bệnh viện sản nhi; Bệnh viện phục hồi chức năng; bệnh viện nội tiết; Bệnh viện y học cổ truyền	Triệu đồng/biên chế/năm	20.1				
	- Bệnh viện đa khoa khu vực; Trung tâm y tế khu vực	Triệu đồng/biên chế/năm	17.6				
	- Phòng khám đa khoa khu vực	Triệu đồng/biên chế/năm	16.1				

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
b	Phòng bệnh		26				
	- Trung tâm kiểm soát bệnh tật; Trung tâm kiểm dịch y tế, quốc tế	Triệu đồng/biên chế/năm	24				
	- Trung tâm y tế khu vực	Triệu đồng/biên chế/năm	20.2				
c	Trung tâm pháp y, Trung tâm kiểm nghiệm, Trung tâm giám định y khoa	Triệu đồng/biên chế/năm	22				
d	Trạm Y tế	Triệu đồng/biên chế/năm		12	13	12	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						
	- Hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản, túi thuốc y tế thôn, bản	Triệu đồng/nhân viên/năm		3	3	3	
	Chi chung sự nghiệp y tế (chi phòng, chống dịch bệnh; chi khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự; chi các nhiệm vụ khác của ngành y tế theo chế độ quy định)	Đồng/dân số/năm		10,000	10,000	10,000	
IV	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ						

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị	Triệu đồng/biên chế/năm	19	16.3	16.3	16.3	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						Phân bổ theo chế độ quy định, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng ngân sách
V	SỰ NGHIỆP KINH TẾ						
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị	Triệu đồng/biên chế/năm	19	16.3	16.3	16.3	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						
	- Chi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cầu, đường và các công trình giao thông	Triệu đồng/km	23	20	15	10	
	- Hỗ trợ hoạt động khuyến nông viên cơ sở	Triệu đồng/người/năm		6	6	6	
	- Chi xây dựng giá đất, chi công tác quy hoạch, chi phòng chống cháy rừng, chi công tác phòng chống thiên tai, chi phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi, chi sự nghiệp kinh tế khác	Đồng/dân số/năm		10,000	10,000	10,000	

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
VI	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Triệu đồng/biên chế/năm		16	18	17	
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị	Triệu đồng/biên chế/năm	19	16.3	16.3	16.3	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						
	- Chi công tác bảo vệ môi trường tại địa bàn xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản	Triệu đồng/xã/năm		50	50	50	Chi công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát.
	- Chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác						Phân bổ theo chế độ quy định, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng ngân sách
VII	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN	Triệu đồng/biên chế/năm					
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị	Triệu đồng/biên chế/năm	19	16.3	16.3	16.3	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						
a	Hỗ trợ bảo vệ di tích lịch sử cấp quốc gia	Triệu đồng/di tích/năm		50	50	50	
b	Hoạt động của cổng thông tin điện tử	Triệu đồng/đơn vị/năm		100	100	100	
c	Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động của Trung tâm văn hóa cấp xã	Triệu đồng/Xã /năm		10	10	10	

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
d	Hỗ trợ hoạt động nhà văn hóa cộng đồng khu dân cư	Triệu đồng/Nhà văn hóa /năm		5	5	5	
e	Chi thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn						
	- Cấp xã thực hiện	Triệu đồng/xã		20	25	20	
	- Cấp thôn thực hiện	Triệu đồng /thôn		7	7	7	
f	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin khác	Đồng/dân số/năm		5,000	5,000	5,000	Tối thiểu 50 triệu đồng/01 xã/năm
VIII	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC, THỂ THAO						
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị	Triệu đồng/biên chế/năm	19	16.3	16.3	16.3	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						
	- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	Đồng/dân số/năm		5,000	5,000	5,000	
IX	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	Triệu đồng/biên chế/năm					
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị	Triệu đồng/biên chế/năm	19	16.3	16.3	16.3	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						
a	Chi trả nhuận bút đài phát thanh cấp xã	Triệu đồng/đơn vị/năm		200	200	200	

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
b	Chi tiền điện phục vụ hoạt động của máy móc thiết bị, mua sắm vật tư, sửa chữa thường xuyên phương tiện kỹ thuật đài phát thanh cấp xã	Triệu đồng/đơn vị/năm		80	80	80	
c	Chi duy trì hoạt động, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị của trạm truyền thanh cấp xã	Triệu đồng/trạm		15	15	15	
d	Chi duy trì hoạt động, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cụm loa truyền thanh thôn, bản, tổ dân phố	Triệu đồng/cụm loa		5	5	5	
X	SỰ NGHIỆP ĐẢM BẢO XÃ HỘI	Triệu đồng/biên chế/năm					
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan, đơn vị	Triệu đồng/biên chế/năm	19	16.3	16.3	16.3	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						
a	Kinh phí thăm hỏi, động viên gia đình chính sách, người có công với cách mạng vào dịp ngày lễ, tết	Đồng/người/năm		500	500	500	
b	Chi thăm hỏi đối với người có uy tín	Đồng/người/năm		800	800	800	
c	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội khác	Đồng/dân số/năm		5,000	5,000	5,000	Tối thiểu 50 triệu đồng/01 xã/năm

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
XI	CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ						
1	Định mức chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy						
a	Văn phòng Tỉnh ủy và Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Triệu đồng/biên chế/năm	44				
b	Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đảng ủy UBND tỉnh	Triệu đồng/biên chế/năm	33				
c	Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh khác						
	- Đơn vị dưới 50 biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	31				
	- Đơn vị từ 50 biên chế đến dưới 100 biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	30				
	- Đơn vị từ 100 biên chế đến dưới 150 biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	29				
	- Đơn vị từ 150 biên chế trở lên	Triệu đồng/biên chế/năm	27				
d	Các xã, phường	Triệu đồng/biên chế/năm		22	21	17	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù						

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ			Ghi chú	
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới		Xã khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Chi hoạt động của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Triệu đồng					Phân bổ theo chế độ quy định và yêu cầu nhiệm vụ
	- Chi hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND và Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã	Triệu đồng/xã/năm		250	200	150	
	- Chi sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác; mua sắm, sửa chữa máy móc, thiết bị làm việc	Triệu đồng/xã/năm		100	100	100	
	- Chi công tác đối ngoại biên giới đối với các xã, phường biên giới	Triệu đồng/xã/năm			100		
XII	QUỐC PHÒNG - AN NINH						
1	Quốc phòng	Triệu đồng/thôn, tổ		5.4	5.4	5.4	Tối thiểu 50 triệu đồng/01 xã/năm. Riêng xã, phường biên giới được bổ sung thêm 100 triệu/xã/năm
2	An ninh	Triệu đồng/thôn, tổ		2.4	2.4	2.4	Tối thiểu 20 triệu đồng/01 xã/năm. Riêng xã, phường biên giới được bổ sung thêm 100 triệu/xã/năm.

STT	Đơn vị, nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ				Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp xã			
				Phường; xã trung tâm của đơn vị cấp huyện (cũ)	Xã khu vực III; xã biên giới	Xã khác	
1	2	3	4	5	6	7	8